

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2021

*V/v: Kiện xin ly hôn
và nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Chí Trung.

2. Ông Phạm Minh Đán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp kiện xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 25/TB-TA ngày 23/9/2021; Thông báo thời gian mở phiên tòa số 25A/TB-TA ngày 18/10/2021, Quyết định tạm ngừng số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1974.

* Bị đơn: Ông Mã Trung H, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số nhà 16, ngõ 296 đường N, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mã Thị Bích N, sinh năm 1972.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Số nhà 122, ngõ 172 đường N, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở: Số 108 phố T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Số 211 đường L, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức Th - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy V - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Tạ Quang Tr - Chức vụ: Phó phòng tổng hợp (theo văn bản ủy quyền lập ngày 16/11/2018).

4. Anh Mã Trung P1, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Số nhà 16, ngõ 296 đường N, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt bà P, ông H; bà N, ông T, ông Tr, anh P1 vắng mặt đã có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị Hoài P và ông Mã Trung H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và được Ủy ban nhân dân phường M, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có một thời gian dài chung sống hòa thuận và đã sinh được hai người con. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh khỏi mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh H không quan tâm đến vợ con. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần, hai vợ chồng cũng đã trao đổi, góp ý cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mã Trung H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mã Trung P1, sinh ngày 03/8/2002 và Mã Trung S, sinh ngày 06/6/2008 (con trai). Khi ly hôn bà P có nguyện vọng xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung Mã Trung S là 4.000.000đ/tháng. Con nuôi, con riêng: không có.

Ngày 01/3/2021 bà P có đơn khởi kiện bổ sung về giải quyết tài sản chung khi ly hôn và Tòa án đã tiến hành thụ lý. Đến phiên tòa ngày 27 tháng 10 năm 2021 các bên đương sự đã xin tạm ngừng phiên tòa để tự thỏa thuận giải quyết về tài sản và công nợ. Sau đó các đương sự đã giải quyết xong và bà P xin rút toàn bộ

yêu cầu về chia tài sản, công nợ. Các đương sự khác nhất trí với việc rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản, giải quyết công nợ, không còn ý kiến nào khác.

* Quan điểm trình bày của ông Mã Trung H: nhất trí với bà P về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn nhưng do ông H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng nên xin đoàn tụ. Về con chung ông H xin nuôi con chung Mã Trung S, giao bà P nuôi con chung Mã Trung P1 và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

* Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/10/2021 các đương sự xin tạm ngừng phiên tòa để tự thỏa thuận giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

- Bà P, ông H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Mã Trung S, sinh ngày 06/6/2008 cho bà P theo nguyện vọng của bà P. Bà P yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Do điều kiện sống sau khi ly hôn đã thay đổi, bản thân ông H vừa nhập viện chữa bệnh, sẽ phải đi thuê chỗ ở nên chỉ đủ khả năng cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng.

- Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngân hàng xác nhận bà P đã tắt toán toàn bộ nợ với ngân hàng và ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp, trả lại bà P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà P xác nhận việc rút đơn giải quyết về tài sản, công nợ là hoàn toàn tự nguyện, ông H nhất trí với việc rút đơn, không còn ý kiến gì khác.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: các đương sự tự thỏa thuận giải quyết các chi phí đã nộp tạm ứng và thanh toán thì tự chịu.

* Bà N và đại diện của ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt xác nhận tự thỏa thuận giải quyết về công nợ, tài sản với bà P, ông H và đồng ý với việc rút yêu cầu giải quyết tài sản, công nợ của bà P, không còn ý kiến gì khác.

Ông T, anh P1 xin Tòa án xử vắng mặt xác nhận không liên quan đến giải quyết tài sản, công nợ của bà P và ông H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời gian, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 217, 218, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn của bà P với ông H:

2. Về con chung: Giao con chung Mã Trung S cho bà P nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ/tháng từ tháng 11/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản:

- Đình chỉ xét xử sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung, riêng, giải quyết công nợ của bà P đối với ông H, bà N và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

- Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: các đương sự tự chịu theo thỏa thuận.

2/ Về án phí sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận theo quy định của pháp luật đề nghị Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

* Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoài P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ quy định tại Điều 217, 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc rút yêu cầu về chia tài sản, giải quyết công nợ của bà P là tự nguyện, các đương sự khác nhất trí không có ý kiến gì

khác nên đủ căn cứ đình chỉ xét xử sơ thẩm và giải quyết hậu quả pháp lý theo pháp luật tố tụng dân sự quy định là đúng pháp luật.

[3] Về xét xử vắng mặt: Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có quan điểm và đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

* Về nội dung vụ án:

[4] Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoài P và ông Mã Trung H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2002 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoài P, HĐXX thấy rằng: vợ chồng đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn sâu sắc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2020 đến nay không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà P có đơn xin ly hôn, trong quá trình thụ lý vụ án ông H có quan điểm xin đoàn tụ nhưng sau nhiều phiên hòa giải không thành đã quyết định thuận tình ly hôn với bà P. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, do đó HĐXX căn cứ vào Điều 51, 54, 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận xử thuận tình ly hôn giữa bà P và ông H là phù hợp với thực tế và pháp luật. Thời điểm chấm dứt hôn nhân giữa bà P và ông H kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mã Trung P1, sinh ngày 03/8/2002 và Mã Trung S, sinh ngày 06/6/2008 (con trai). Bà P có nguyện vọng xin nuôi cháu Mã Trung S và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, tại phiên tòa bà P đề nghị cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông H đồng ý giao con cho bà P nuôi dưỡng và chỉ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Xét điều kiện cụ thể về thu nhập từ lương do ông H cung cấp tại Tòa án, HĐXX thấy ông H có thu nhập ổn định từ lương hàng tháng là trên 7.000.000đ (theo tài liệu do ông H cung cấp tại phiên tòa). Do đó cần chấp nhận mức cấp dưỡng 2.000.000đ/ tháng là phù hợp. Thời hạn cấp dưỡng từ khi Tòa tuyên án đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với con chung

Mã Trung P1 đã trưởng thành phát triển bình thường nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng khi ly hôn.

Con nuôi, con riêng; Không có. Hiện bà P không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các bên tự thỏa thuận chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà P tự chịu và đã nộp xong. Chi phí định giá lại tài sản ông H tự chịu và đã nộp xong. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng: Các đương sự phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự thỏa thuận về việc bà P nộp cả án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng thay ông H.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157, Điều 165; Điều 217; Điều 218; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ điều 51; 54; 55; 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Hoài P và ông Mã Trung H. Thời điểm chấm dứt hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoài P và ông Mã Trung H kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật

2/ Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Hoài P chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Mã Trung S, sinh ngày 06/6/2008 (con trai), ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên hàng tháng là 2.000.000đ (hai

triệu đồng)/tháng kể từ tháng 11/2021 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Con nuôi, con riêng: không có. Hiện bà P không có thai nghén gì.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Đình chỉ xét xử sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản và công nợ của bà Nguyễn Thị Hoài P.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết chia tài sản, công nợ: Các đương sự chỉ có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại về yêu cầu chia tài sản, công nợ trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự

5/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các bên tự thỏa thuận. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà P tự chịu và đã nộp xong. Chi phí định giá lại tài sản ông H tự chịu và đã nộp xong.

6/ Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:

- Án phí ly hôn: Bà P và ông H mỗi người phải nộp 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chấp nhận sự tự nguyện của bà P nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

- Án phí cấp dưỡng: Ông Mã Trung H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của bà P nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Đối trừ với 300.000đ bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004698 ngày 17/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam bà P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Bà P phải nộp tiếp án phí cấp dưỡng 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả bà P số tiền tạm ứng án phí chia tài sản, công nợ mà bà đã nộp là 2.150.000đ (*hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2015/0004735 ngày 05/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm, bà P, ông H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N, ông T, anh P1, Ngân hàng Thương mại Cổ phần C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- UBND phường M,
- TP P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Oanh